

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thanh Trang

Bà Cao Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2897/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 3108/QĐST – HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Trọng N, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 72 Cranwood Circle, Brampton, Ontario L6Y 0Y5, Canada.

- *Bị đơn:* Bà Lưu Hồng N, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 4D4, khu phố 4, phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 02 năm 2023, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Phan Trọng N trình bày:

Năm 2018, ông và bà Lưu Hồng N1 sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 34/2018 ngày 05/9/2018. Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi. Ông đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhằm duy trì mối quan hệ vợ chồng, mong hàn gắn tình cảm nhưng không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn. Ông nhận thấy sự bất đồng quan điểm giữa vợ chồng ngày càng gay gắt, cuộc sống vợ chồng ngày càng bất hòa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được; ông bà đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Lưu Hồng N1, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Ông và bà Lưu Hồng N1 không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Ông và bà Lưu Hồng N1 không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn bà Lưu Hồng N1 đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tiến hành tổng đạt hợp lệ bằng hình thức niêm yết theo địa chỉ đăng ký thường trú của bà Lưu Hồng N1 để thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập bà N1 đến Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng bà N1 không có mặt. Do đó, tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa ông Phan Trọng N và bà Lưu Hồng N1 là ly hôn, nguyên đơn ông Phan Trọng N hiện đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài (Canada), bị đơn bà Lưu Hồng N1 hiện đang ở Việt Nam nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Trọng N và bà Lưu Hồng N1 tự nguyện kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 34/2018 ngày 05/9/2018 nên hôn nhân giữa ông Phan Trọng N và bà Lưu Hồng N1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Ông Phan Trọng N cho rằng trong quá trình chung sống thì vợ chồng bà có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi. Ông đã nhiều lần cố gắng nhằm duy trì mối quan hệ vợ chồng, mong hàn gắn tình cảm nhưng không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn, không thể chung sống và hòa hợp trở lại, vợ chồng bà đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Ông Phan Trọng N nhận thấy sự bất đồng quan điểm giữ hai vợ chồng ngày càng gay gắt, cuộc sống vợ chồng ngày càng bất hòa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lưu Hồng N1.

Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tiến hành tổng đạt hợp lệ cho bà Lưu Hồng N1 bằng hình thức niêm yết các văn bản tố tụng theo địa chỉ đăng ký thường trú của bà Lưu Hồng N1 để thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập bà N1 đến Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng bà

N1 không có mặt. Do đó, tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt đương sự theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân của ông N và bà N1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn chung sống với nhau thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bà không có mặt; từ đó cho thấy bà N1 không có thiện chí hòa giải đoàn tụ. Vì vậy, ông N yêu cầu ly hôn với bà N1 là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông Phan Trọng N bày không có, không yêu cầu giải quyết nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận trình bày của bà Lưu Hồng N1 nên không có cơ sở giải quyết. Nếu có phát sinh tranh chấp về con chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[4] Về tài sản chung: Ông Phan Trọng N trình bày ông và bà N1 không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của bà N1 nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Ông Phan Trọng N trình bày không có nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của bà N1 và cũng không nhận được đơn yêu cầu độc lập của bên thứ ba nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Ông Phan Trọng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 3 Điều 208; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Phan Trọng N.

1.1. Về hôn nhân: Ông Phan Trọng N được ly hôn với bà Lưu Hồng N1.

1.2. Về con chung: Ông Phan Trọng N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng Tòa án không ghi nhận được lời trình bày của bà Lưu Hồng N1 nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về con chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

1.3. Về tài sản chung: Ông Phan Trọng N trình bày ông và bà N1 không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của bà N1 nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát

sinh tranh chấp về tài sản chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

1.4. Về nợ chung: Ông Phan Trọng N trình bày không có nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của bà Lưu Hồng N1 và cũng không nhận được đơn yêu cầu độc lập của bên thứ ba nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phan Trọng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001792 ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

3. Ông Phan Trọng N được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bà Lưu Hồng N1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Lương